

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền, tên giao dịch quốc tế The Binh Dien Fertilizer Joint Stock Company tên gọi tắt là BFC (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/02/2011 đến ngày 31/12/2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Phân bón Bình Điền - doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tập đoàn Hoá chất Việt Nam theo Quyết định số 356/QĐ – HCVN ngày 6/6/2008 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hoá chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hoá chất Việt Nam) v/v cổ phần hoá Công ty Phân Bón Bình Điền.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0302975517 ngày 25/01/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hoà tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi. Nghiên cứu sản xuất các sản phẩm phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp); Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản; Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

Công ty có trụ sở chính đặt tại C12/21 Quốc lộ 1A, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 397.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm chín mươi bảy tỷ đồng chẵn./.).

Vốn pháp định: 6.000.000.000 đồng.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ kế toán từ ngày 01/02/2011 đến ngày 31/12/2011 của Công ty là 68.290.141.397 đồng.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỐ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi thấy không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Lê Quốc Phong	Chủ tịch
Ông	Phan Hồng Nhiều	Ủy viên
Ông	Nguyễn Minh Sơn	Ủy viên
Ông	Thái Bửu Lâm	Ủy viên
Ông	Trần Thanh Liêm	Ủy viên
Ông	Phạm Văn Chương	Ủy viên
Ông	Bùi Thế Chuyên	Ủy viên

Các thành viên Ban kiểm soát của Công ty vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Hà Thanh Sơn	Trưởng ban
Ông	Lê Xuân Lộc	Ủy viên
Ông	Võ Văn Phú	Ủy viên
Ông	Trần Tấn Sơn	Ủy viên
Ông	Lê Thanh Hạo Nhiên	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

C12/21 Quốc lộ 1A, Bình Chánh, TP.Hồ Chí Minh

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Lê Quốc Phong	Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Minh Sơn	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/02/2011 đến ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA).

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc lập Báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2011, kết quả kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/02/2011 đến ngày 31/12/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lê Quốc Phong

Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 02 năm 2012

Số: ~~1381~~ /BCKT/TC/NV6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/02/2011 đến ngày 31/12/2011
của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/02/2011 đến ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền được lập ngày 14/02/2011 gồm: Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/02/2011 đến ngày 31/12/2011 từ trang 6 đến trang 31 kèm theo. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính riêng; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra các cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/02/2011 đến ngày 31/12/2011, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và quy định pháp lý có liên quan.



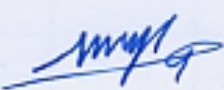
Bùi Đức Vinh
Phó Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0654/KTV

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN
VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, Ngày 14 tháng 02 năm 2012



Nguyễn Việt Long
Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0692/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.994.235.580.015
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		148.533.538.506
111	1. Tiền	V.01	148.533.538.506
112	2. Các khoản tương đương tiền		0
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		0
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		480.836.014.765
131	1. Phải thu khách hàng		344.344.228.896
132	2. Trả trước cho người bán		91.982.216.196
135	5. Các khoản phải thu khác	V.02	44.509.569.673
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		0
140	IV. Hàng tồn kho		1.271.069.781.602
141	1. Hàng tồn kho	V.03	1.271.069.781.602
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		0
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		93.796.245.142
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.04	21.118.040
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		85.545.842.265
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.05	231.404.613
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	V.06	7.997.880.224
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		428.156.387.751
210	I- Các khoản phải thu dài hạn		0
220	II. Tài sản cố định		311.418.457.031
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.07	104.770.937.150
222	- Nguyên giá		147.326.973.343
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(42.556.036.193)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.08	2.902.583.719
225	- Nguyên giá		4.101.905.097
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.199.321.378)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.09	201.226.756.526
228	- Nguyên giá		201.491.157.308
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(264.400.782)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	2.518.179.636
240	III. Bất động sản đầu tư		0
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		70.998.448.901
251	1. Đầu tư vào công ty con	V.11	59.336.530.030
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		0
258	3. Đầu tư dài hạn khác	V.12	11.661.918.871
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		0
260	V. Tài sản dài hạn khác		45.739.481.819
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.13	45.154.788.547
268	3. Tài sản dài hạn khác	V.14	584.693.272
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.422.391.967.766

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		1.950.871.022.408
310	I. Nợ ngắn hạn		1.937.630.851.476
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.15	1.270.878.149.646
312	2. Phải trả người bán		435.242.099.758
313	3. Người mua trả tiền trước		374.126.838
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	125.232.466.428
315	5. Phải trả người lao động		26.343.444.725
316	6. Chi phí phải trả	V.17	36.008.215.179
317	7. Phải trả nội bộ		0
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		0
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	V.18	39.801.955.855
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		0
321	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.750.393.047
330	II. Nợ dài hạn		13.240.170.932
331	1. Phải trả dài hạn người bán		0
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		0
333	3. Phải trả dài hạn khác		0
334	4. Vay và nợ dài hạn	V.19	12.910.446.589
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		0
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		329.724.343
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		0
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		471.520.945.358
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.20	471.510.862.157
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		397.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		7.121.894.690
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		0
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		0
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		0
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(645.543.930)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		0
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		0
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		0
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		68.034.511.397
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		0
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		10.083.201
431	2. Nguồn kinh phí	V.21	10.083.201
432	3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		0
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.422.391.967.766

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm
1. Tài sản thuê ngoài		0
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	V.22	357.552.711
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		0
4. Nợ khó đòi đã xử lý		4.143.537.093
5. Ngoại tệ các loại (USD)		1.182.983,37
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		0



Người lập biểu
Tăng Quy
Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 02 năm 2012



Kế toán trưởng
Trần Tấn Sơn



Tổng Giám đốc
Lê Quốc Phong

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/02/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính : VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.23	5.373.831.940.788
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.24	28.229.033.650
10	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV	VI.25	5.345.602.907.138
11	Giá vốn hàng bán	VI.26	5.005.771.790.262
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV		339.831.116.876
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.27	43.122.037.561
22	Chi phí tài chính	VI.28	200.686.729.021
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		192.519.463.483
24	Chi phí bán hàng		75.843.247.213
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp		24.287.533.039
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		82.135.645.164
31	Thu nhập khác		6.886.584.445
32	Chi phí khác		1.923.016.941
40	Lợi nhuận khác		4.963.567.504
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		87.099.212.668
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.29	18.809.071.271
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		0
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		68.290.141.397
61	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.30	1.720

Người lập biểu
Tàng Quy
Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng
Trần Tấn Sơn



Tổng Giám đốc
Lê Quốc Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/02/2011 đến ngày 31/12/2011
Theo phương pháp gián tiếp

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Năm nay
(1)	(2)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX kinh doanh	
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>87.099.212.668</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>	<i>181.015.321.259</i>
- Khấu hao tài sản cố định	13.135.601.328
- Các khoản dự phòng	0
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	0
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	(24.639.743.552)
- Chi phí lãi vay	192.519.463.483
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>(206.539.140.734)</i>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	(228.780.223.463)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	(232.619.461.837)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	274.449.101.916
- Tăng, giảm chi phí trả trước	8.800.628.650
- Tiền lãi vay đã trả	(192.439.463.483)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(13.371.583.375)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	207.078.936.839
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(29.657.075.981)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	61.575.393.193
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	
1. Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(13.315.470.228)
2. Thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(3.940.940.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	14.932.135.438
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(2.324.274.790)
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	
1. Thu hồi từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	0
2. Trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	3.737.588.150.943
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(3.649.129.373.062)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	(530.125.257)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	0

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/02/2011 đến ngày 31/12/2011
Theo phương pháp gián tiếp

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Năm nay
(1)	(2)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	87.928.652.624
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	147.179.771.027
Tiền và tương đương tiền đầu năm	0
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	1.353.767.479
Tiền và tương đương tiền cuối năm	148.533.538.506

Người lập biểu
Tăng Quy
Hà Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng
Trần Tấn Sơn



Tổng Giám đốc
Lê Quốc Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/02/2011 đến ngày 31/12/2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Phân bón Bình Điền - doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tập đoàn Hoá chất Việt Nam.

Hoạt động

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0302975517 ngày 25/01/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hoà tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi. Nghiên cứu sản xuất các sản phẩm phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp); Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản; Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

Công ty có trụ sở được đặt tại : C12/21 Quốc lộ 1A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 0837 560 110 Fax: 0837 560 799

Mã số thuế: 0302975517

Người đại diện theo pháp luật : Ông Lê Quốc Phong Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty (sinh ngày 01/12/1954; Dân tộc Kinh, Quốc tịch Việt Nam; Chứng minh nhân dân số 022749249 do Công an Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/01/1990; Địa chỉ thường trú tại 247 Nguyễn Thượng Hiền, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh).

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 397.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm chín mươi bảy tỷ đồng chẵn./.).

Mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính đặt tại C12/21 Quốc lộ 1A, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đồng thời cũng có các đơn vị trực thuộc gồm Chi nhánh Ninh Bình và Xí nghiệp Phân bón Bình Điền - Long An

Công ty con

Đến thời điểm ngày 31/12/2011, Công ty có bốn (04) Công ty con như sau:

<i>Tên Công ty</i>	<i>Ngành hoạt động</i>	<i>Vốn điều lệ</i>	<i>% sở hữu</i>
Công ty Cổ phần Bình Điền - Mê Kông	Sản xuất và thương mại	30 tỷ	51 %
Công ty TNHH MTV Thể Thao Bình Điền Long An	Quảng cáo và thể thao	5 tỷ	100 %
Công ty Cổ phần Bình Điền - Lâm Đồng	Sản xuất và thương mại	38,88 tỷ	51 %
Công ty Cổ phần Bình Điền - Quảng trị	Sản xuất và thương mại	30 tỷ	51 %

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch. Cho kỳ kế toán này Công ty lập Báo cáo tài chính từ ngày 01/02/2011 đến ngày 31/12/2011. Lý do của việc lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn (nêu trên) là do thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần được thực hiện theo Công văn số 139/HCVN – TCKT ngày 03/3/2011 của Tập đoàn Hoá chất Việt Nam v/v Quyết toán tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho doanh nghiệp được quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT - BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính v/v Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính.

Cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này, Công ty không áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 07 - Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Cho việc lập Báo cáo tài chính này, Công ty cũng không áp dụng chuẩn mực số 10 ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ – BTC ngày 31/12/2002 của Bộ Trưởng Bộ tài chính.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong quá trình chuyển đổi thành tiền.

Trường hợp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh để ghi sổ kế toán.

Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng Đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán.

Nhóm tài sản vốn bằng tiền có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam, đồng thời theo dõi chi tiết ngoại tệ theo từng nguyên tệ và được phản ánh trên tài khoản ngoài bảng.

Số dư cuối kỳ của các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được ghi nhận và theo dõi trên chỉ tiêu chênh lệch tỷ giá hối đoái.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (Cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu ...) có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, hoặc bán ra chứng khoán để kiếm lời; Các khoản đầu tư ngắn hạn khác bao gồm các khoản cho vay mà thời hạn thu hồi không quá một năm...

Trong trường hợp đầu tư bằng tiền hoặc hiện vật (Tài sản cố định, nguyên liệu, hàng hóa...) thì giá trị khoản đầu tư được tính theo giá thỏa thuận của các bên tham gia đầu tư đối với các tài sản đưa đi đầu tư. Phần chênh lệch (nếu có) giữa giá trị ghi sổ kế toán của Công ty với giá trị tài sản được đánh giá lại được phản ánh vào thu nhập hoặc chi phí trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư được theo dõi chi tiết cho từng khoản đầu tư, từng hợp đồng vay.

Việc trích lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được thực hiện ở thời điểm khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm.

Mức trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được và giá gốc ghi trên sổ kế toán. Chênh lệch tăng hoặc giảm giữa số dự phòng phải trích lập với số đã trích lập được điều chỉnh vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ gồm các khoản phải thu từ khách hàng, trả trước cho người bán, các khoản phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được giữ để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường; Đang trong quá trình sản xuất, kinh doanh dở dang; nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (gọi chung là vật tư) để sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác của Công ty được phản ánh bao gồm chi phí trả trước, chi phí chờ kết chuyển, thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước, các khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn.

6. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo Nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí hoặc phân bổ vào chi phí theo quy định. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

7. Nguyên tắc ghi nhận khấu hao tài sản cố định

Khấu hao TSCĐ của Công ty được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng; Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính v/v Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Quyết định số 2841/QĐ - BTC ngày 16/11/2009 của Bộ Tài chính v/v Định chính phụ lục số 02 - Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
Máy móc thiết bị	05 - 08 năm
Phương tiện vận tải	08 - 10 năm
Thiết bị quản lý	05 - 08 năm

8. Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê (nếu có) theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn thuê của hợp đồng; Mặt khác giá trị tài sản thuê được theo dõi trên chỉ tiêu tài sản thuê ngoài trên biểu các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo đúng quy định hiện hành.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tập hợp và theo dõi các khoản chi phí thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ bản (bao gồm chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình) và tình hình quyết toán công trình.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được theo dõi chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình và từng khoản mục chi phí cụ thể.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả kinh doanh.

11. Nguyên tắc ghi nhận đầu tư vào Công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính khác

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

12. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập riêng cho từng khoản đầu tư của doanh nghiệp.

13. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận các khoản chi phí thực tế phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán (trên một năm tài chính). Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng niên độ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ

từng loại chi phí mà lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý. Các khoản chi phí này được theo dõi chi tiết cho từng khoản chi phí.

14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản chi phí phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

15. Nguyên tắc ghi nhận các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra Việt nam đồng theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá liên quan đến hoạt động đầu tư được hạch toán và lũy kế đến thời điểm dự án chính thức đi vào hoạt động sẽ được phân bổ vào doanh thu hoặc chi phí theo quy định hiện hành.

16. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản. Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ các khoản tiền, tương đương tiền và công nợ ngắn hạn.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

19. Phương pháp xác định doanh thu

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phản công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phản công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Lãi ngân hàng và các khoản cho vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

Chi phí cho vay và đi vay vốn;

Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

22. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, hàng năm sẽ trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty vào các quỹ theo tỷ lệ dự kiến như sau:

- Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ: Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ;
- Quỹ đầu tư phát triển: 15% Lợi nhuận sau thuế của công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 10 % lợi nhuận sau thuế của Công ty;
- Quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành: Do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên;

Cho niên độ kế toán năm 2011, Công ty chưa trích lập các quỹ do chờ Đại hội đồng cổ đông năm 2012 quyết định.

23. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

- Báo cáo tài chính riêng của Công ty được cộng số học của các báo cáo tài chính của văn phòng Công ty và các đơn vị phụ thuộc gồm Xí nghiệp Bình Điền Long An và Chi nhánh Ninh Bình tiếp theo đó loại trừ doanh thu, giá vốn và công nợ nội bộ.

- Năm 2011 là niên độ kế toán năm đầu tiên của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền, khi lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp có các chỉ tiêu liên quan tại khoản mục lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động được xác định từ chênh lệch giữa các khoản mục tại thời điểm ngày 31/12/2011 với số liệu bản giao từ Công ty Phân bón Bình Điền.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Đơn vị tính : VND)

01. Tiền	Cuối năm
Tiền mặt	3.385.444.894
Tiền gửi ngân hàng	145.148.093.612
Tiền đang chuyển	0
Cộng	148.533.538.506
02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Cuối năm
Phải thu về cổ phần hoá	779.588.000
Phải thu Bình Điền Mê Kông và Bình Điền Quảng Trị	24.541.946.796
Phải thu về thuế thu nhập cá nhân	1.420.774.578
Phải thu hàng hoá bị tổn thất	375.136.410
Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia	11.490.912.000
Phải thu Bảo hiểm Xã hội thành phố Hồ Chí Minh	2.087.702.585
Các khoản phải thu khác	3.813.509.304
Cộng	44.509.569.673

03. Hàng tồn kho	Cuối năm
Nguyên liệu, vật liệu	861.993.652.225
Thành phẩm	405.692.215.048
Hàng hoá	3.383.914.329
Cộng giá gốc hàng tồn kho	1.271.069.781.602

04. Chi phí trả trước ngắn hạn	Cuối năm
Giá trị công cụ dụng cụ đánh giá lại theo BB định giá	21.118.040
Cộng	21.118.040

05. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	Cuối năm
Thuế môn bài	6.000.000
Thuế nhà đất	129.696.561
Thuế khác	95.708.052
Cộng	231.404.613

06. Tài sản ngắn hạn khác	Cuối năm
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	3.895.136.131
Tạm ứng	4.102.744.093
Cộng	7.997.880.224

07. Tài sản cố định hữu hình Chi tiết xem Phụ lục số 01 kèm theo

08. Tài sản cố định thuê tài chính

<i>Khoản mục</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>Cộng</i>
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	0	0	0	0
- Tăng do chuyển số dư	0	3.314.995.097	0	3.314.995.097
- Thuê trong năm	0	786.910.000	0	786.910.000
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0
Số dư cuối năm	0	4.101.905.097	0	4.101.905.097
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	0		0	0
- Tăng do chuyển số dư	0	666.210.358	0	666.210.358
- Khấu hao trong năm	0	533.111.020	0	533.111.020
- Thanh lý, nhượng bán, bản giao	0	0	0	0
Số dư cuối năm	0	1.199.321.378	0	1.199.321.378
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm	0	0	0	0
- Tại ngày cuối năm	0	2.902.583.719	0	2.902.583.719

09. Tài sản cố định vô hình

<i>Khoản mục</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phản mềm kế toán</i>	<i>Cộng</i>
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	0	0	0
- Tăng do chuyển đổi số dư	200.978.157.308	180.000.000	201.158.157.308
- Tăng do thay đổi khoản mục	333.000.000	0	333.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0
Số dư cuối năm	201.311.157.308	180.000.000	201.491.157.308
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm		0	0
- Tăng do chuyển số dư		14.900.791	14.900.791
- Khấu hao trong năm		27.499.991	27.499.991
- Tăng do thay đổi khoản mục	222.000.000	0	222.000.000
Số dư cuối năm	222.000.000	42.400.782	264.400.782
Giá trị còn lại			
- Tại ngày đầu năm	0	0	0
- Tại ngày cuối năm	201.089.157.308	137.599.218	201.226.756.526

10. Chi phí xây dựng dở dang

	Cuối năm
Hạng mục công viên nhà máy	505.528.371
Hạng mục cầu tàu 5.000 DWT	34.697.273
Ông công dự án Long An	69.330.000
Hệ thống agrotan	274.625.166
Dự án nhà máy Đồng Nai	79.251.494
Nhà để xe phòng lưu trữ	264.775.954
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.289.971.378
Cộng	2.518.179.636

11. Đầu tư vào công ty con

	Cuối năm
Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng	25.156.106.173
Công ty Cổ phần Bình Điền - Mêkong	16.147.753.280
Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Bình Điền - Quảng Trị	16.032.670.577
Cộng	59.336.530.030

12. Đầu tư dài hạn khác

	Cuối năm
Đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	0
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Đồng Hà	11.661.918.871
Cộng	11.661.918.871

13. Chi phí trả trước dài hạn	Cuối năm
Phí xây dựng cơ bản	216.588.455
Chi phí quảng cáo	200.000.000
Giá trị lợi thế kinh doanh (*)	44.731.015.524
Công ty TNHH Cho thuê TC Việt Nam	7.184.568
Cộng	45.154.788.547

Ghi chú:

- Giá trị lợi thế kinh doanh khi định giá giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá của Công ty Phân bón Bình Điền được xác định theo phương pháp tài sản với số tiền là 53.231.015.524 đồng. Công ty sẽ phân bổ dần giá trị lợi thế kinh doanh này vào chi phí quản lý doanh nghiệp với thời gian không quá 3 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức đi vào hoạt động theo đúng quy định tại Thông tư số 203/2009/TT – BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Việc xác định giá trị phân bổ phụ thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của từng năm, cho niên độ kế toán năm 2011, Công ty tạm phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh vào chi phí quản lý doanh nghiệp với số tiền 8.500.000.000 đồng;

- Ngày 29/01/2011 Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 1560/BTC – TCT v/v Phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh; Theo đó, Công ty đã loại trừ khoản chi phí về giá trị lợi thế kinh doanh này ra khỏi chi phí tính thuế khi tính chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

14. Tài sản dài hạn khác	Cuối năm
Ký cược, ký quỹ dài hạn	584.693.272
Cộng	584.693.272

15. Vay và nợ ngắn hạn	Cuối năm
Vay ngắn hạn (*)	1.270.145.322.454
Vay dài hạn hạn đến hạn trả	732.827.192
Cộng	1.270.878.149.646

Ghi chú: Chi tiết các khoản vay ngắn hạn cụ thể như sau:

Các tổ chức tài trợ	Số tiền
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Bình Tây, TP. Hồ Chí Minh	69.907.322.177
Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh	195.861.158.365
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	41.955.202.420
Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - CN Sài Gòn	149.578.005.532
Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	145.957.714.160
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Phú Nhuận	128.928.778.085
Công ty Tài chính cổ phần Hoà chất Việt Nam	443.356.014.915
Tập đoàn Hoà chất Việt Nam	80.000.000.000
Vay cán bộ công nhân viên	14.601.126.800
Cộng	1.270.145.322.454

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.770.038.197
Thuế nhà đất, tiền thu đất	114.687.620.655
Thuế tài nguyên	0
Thuế thu nhập cá nhân	1.611.152.376
Các loại thuế khác	0
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	163.655.200
Cộng	125.232.466.428

Thuế Giá trị gia tăng

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng với phương pháp tính thuế là phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bằng 25% (hai mươi lăm phần trăm).

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các loại thuế khác

Công ty áp dụng các loại sắc thuế khác như thuế môn bài, thuế thu nhập cá nhân.. theo đúng quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả	Cuối năm
Trích trước chi phí triết khấu bán hàng	25.364.544.002
Trích trước chi phí du lịch năm 2011	4.793.000.000
Tập đoàn Hoá chất Việt Nam	3.490.261.103
Chi phí phải trả về cổ phần hoá	40.000.000
Trích trước chi phí lãi vay	2.320.410.074
Cộng	36.008.215.179

18. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn	Cuối năm
Đoàn phí công đoàn	883.143.853
Kinh phí công đoàn	3.461.124.725
Quỹ hoá chất	1.048.000
Quỹ vì người nghèo	323.226.549
Bảo hiểm xã hội	377.222.385
Phải trả về cổ phần hoá	11.310.593.090
Phải trả tập đoàn Hoá chất Việt Nam (lợi nhuận)	18.066.217.292
Bảo hiểm thất nghiệp	230.072.952
Các khoản phải trả khác	5.149.307.009
Cộng	39.801.955.855

19. Vay dài hạn và nợ dài hạn	Cuối năm
Vay dài hạn	2.797.500.000
- Vay ngân hàng	2.797.500.000
- Vay công ty tài chính	0
- Trái phiếu phát hành	0
Nợ dài hạn	10.112.946.589
- Thuế tài chính	10.112.946.589
- Nợ dài hạn khác	0
Cộng	12.910.446.589

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Chi tiết xem Phụ lục số 02 kèm theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cuối năm
Tập đoàn Hoá chất Việt Nam	258.050.000.000
Các cổ đông khác	138.950.000.000
Cộng	397.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn chủ sở hữu với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận	Cuối năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
Vốn góp đầu năm	
Vốn góp tăng trong năm	397.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	0
Vốn góp cuối năm	397.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0

d. Cổ phiếu	Cuối năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	39.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0
Số lượng cổ phiếu được mua lại	0
+ Cổ phiếu phổ thông	0
+ Cổ phiếu ưu đãi	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	39.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng Việt Nam/01 Cổ phiếu

c. Lợi nhuận chưa phân phối	Số tiền	Ghi chú
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	0	(1)
Lợi nhuận chưa PP tăng trong năm từ hoạt động kinh doanh	68.290.141.397	(2)
Các khoản trừ vào lợi nhuận sau thuế	(255.630.000)	(3)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	68.034.511.397	(4) = (1)+(2)+(3)

21. Nguồn kinh phí: Nguồn kinh phí là khoản kinh phí chuyển sang từ Công ty Phân bón Bình Điền.

22. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công

TT	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
1	Kho nguyên liệu 1	758.164.291	758.164.291	0
2	Kho nguyên liệu 2	728.143.952	728.143.952	0
3	Nhà để xe	50.573.000	50.573.000	0
4	Nhà che cảng nhập hàng	281.036.017	281.036.017	0
5	Đường vào nhà máy	104.898.000	104.898.000	0
6	Đường nội bộ	150.497.000	150.497.000	0
7	Bãi quay xe (bờ sông)	48.000.000	48.000.000	0
8	Cổng nhà máy	43.034.000	43.034.000	0
9	CTMR SX NPK 30.000 T/N (Nhà+kho)	3.748.933.610	3.748.933.610	0
10	Nhà kho và giếng (Dung đại lục)	120.858.831	108.772.920	12.085.911
11	Hệ thống điện	73.274.590	73.274.590	0
12	Xe du lịch Nissan	115.200.000	115.200.000	0
13	Xe máy Angel SS-SM -434462	15.500.000	15.500.000	0
14	Giá trị quyền sử dụng đất (Dung đại lục)	345.466.800	0	345.466.800
	Cộng	6.583.580.091	6.226.027.380	357.552.711

Ghi chú:

- Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công (nêu trên) là những tài sản loại trừ ra khỏi giá trị doanh nghiệp khi định giá giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá được thực hiện theo Công văn số 391/HCVN – TCKT ngày 28/5/2010 của Tập đoàn Hoá chất Việt Nam v/v loại tài sản chờ thanh lý ra khỏi giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá với nguyên giá là 6.117.254.460 đồng (giá trị còn lại là 0 đồng). Theo đó, ngày 17/11/2010, Hội đồng thành viên Tập đoàn Hoá chất Việt Nam đã có Quyết định số 459/QĐ – HCVN v/v uỷ quyền cho Ông Lê Quốc Phong – Giám đốc Công ty Phân bón Bình Điền tổ chức thanh lý tài sản theo quy định hiện hành của nhà nước, sau khi thanh lý chênh lệch về thu nhập và chi phí thanh lý được nộp về Tập đoàn Hoá chất Việt Nam. Đến thời điểm hiện nay, Công ty vẫn chưa bán được các tài sản chờ thanh lý (nêu trên), theo đó công ty đang theo dõi các tài sản này ở tài khoản ngoài bảng theo quy định hiện hành.

- Đối với tài sản nhận giữ hộ với nguyên giá 466.325.631 đồng, giá trị khấu hao lũy kế 108.772.920, giá trị còn lại là 357.552.711, đã được Công ty hạch toán điều chỉnh giảm giá trị tài sản theo biên bản định giá và theo dõi ở tài khoản ngoài bảng theo quy định hiện hành.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

23. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay
Doanh thu bán hàng hoá	5.314.660.387.209
Doanh thu bán bao bì vật tư	6.253.749.752
Doanh thu hàng quà tặng	2.231.244.032
Doanh thu bán bất động sản	34.803.913.638
Doanh thu gia công	5.959.825.500
Phí thương hiệu	8.914.820.657
Doanh thu khác cho thuê hạ tầng	1.008.000.000
Cộng	5.373.831.940.788

24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay
Chiết khấu thương mại	27.971.594.650
Giảm giá hàng bán	0
Hàng bán bị trả lại	257.439.000
Thuế xuất khẩu	0
Cộng	28.229.033.650

25. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay
Doanh thu bán hàng hoá	5.286.431.353.559
Doanh thu bán bao bì vật tư	6.253.749.752
Doanh thu hàng quà tặng	2.231.244.032
Doanh thu bán bất động sản	34.803.913.638
Doanh thu gia công	5.959.825.500
Phí thương hiệu	8.914.820.657
Doanh thu khác cho thuê hạ tầng	1.008.000.000
Cộng	5.345.602.907.138

26. Giá vốn hàng bán	Năm nay
Giá vốn của thành phẩm, hàng hoá dịch vụ đã bán	4.970.923.433.955
Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của bất động sản đầu tư đã bán	34.848.356.307
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	0
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	0
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0
Cộng	5.005.771.790.262
27. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.075.613.312
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, Cổ tức được chia	20.564.130.240
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.363.891.123
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	0
Lãi bán hàng trả chậm	11.118.402.886
Lãi do thanh toán trước tiền hàng	0
Doanh thu hoạt động tài chính khác	0
Cộng	43.122.037.561
28. Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay
Lãi tiền vay	192.519.463.483
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	2.496.052.397
Lãi thuê tài chính	0
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.671.213.141
Chi phí tài chính khác	0
Cộng	200.686.729.021
29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	87.099.212.668
Các khoản điều chỉnh giảm	(20.564.130.240)
Các khoản điều chỉnh tăng	8.701.202.657
Lợi nhuận tính thuế	75.236.285.085
Thuế suất thu nhập doanh nghiệp (%)	25
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	18.809.071.271
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	0
Chuyển số dư đo cổ phần hoá	3.332.550.301
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(13.371.583.375)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp cuối năm	8.770.038.197

30. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lãi sau thuế của cổ đông của Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành là 39.700.000 cổ phiếu.

$$\text{Lãi cơ bản trên cổ phiếu} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp}}{\text{Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ}}$$

$$\text{Lãi cơ bản trên cổ phiếu} = \frac{68.290.141.397}{39.700.000} = 1.720$$

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

01. Số liệu so sánh

Năm 2011 là niên độ kế toán năm đầu tiên của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền, do vậy số liệu so sánh không được lập.

02. Phê duyệt phát hành Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/02/2011 đến ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt để ban hành vào ngày 14/02/2011.

Người lập biểu
Tăng Quy
Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng
Trần Tấn Sơn



Tổng Giám đốc
Lê Quốc Phong

Phụ lục số 01

TÀNG, GIÁM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính : VND

<i>Khoản mục</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>Công</i>
Nguyên giá					0
Số dư đầu năm					
- Mua trong năm	0	2.883.892.403	1.156.688.800	456.738.818	4.497.320.021
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	5.103.685.637	3.202.982.764	0	0	8.306.668.401
- Tàng do chuyển đổi sang công ty cổ phần	66.580.980.375	54.854.655.249	11.188.866.443	2.419.459.218	135.043.961.285
- Tàng do trình bày lại	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0
- Giảm do trình bày lại	(520.976.364)	0	0	0	(520.976.364)
Số dư cuối năm	71.163.689.648	60.941.530.416	12.345.555.243	2.876.198.036	147.326.973.343
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm					0
- Khấu hao trong năm	3.839.277.300	6.350.743.481	1.631.283.283	531.686.253	12.352.990.317
- Tàng do chuyển đổi sang công ty cổ phần	14.950.354.050	10.655.577.557	3.408.064.512	1.189.049.756	30.203.045.876
- Tàng do trình bày lại	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0
- Giảm do trình bày lại	0	0	0	0	0
Số dư cuối năm	18.789.631.351	17.006.321.038	5.039.347.795	1.720.736.009	42.556.036.193
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	0	0	0	0	0
- Tại ngày cuối năm	52.374.058.297	43.935.209.378	7.306.207.448	1.155.462.027	104.770.937.150

Phụ lục số 02

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	0	0	0	0	0	0
Tăng trong năm nay	397.000.000.000	0	7.121.894.690	4.043.410.761	68.290.141.397	476.455.446.848
Chuyển số dư	397.000.000.000	0	7.121.894.690	0	0	404.121.894.690
Do đánh giá lại số dư				751.866.074	0	751.866.074
Tăng do hạch toán lại		0	0	3.291.544.687	0	3.291.544.687
Lãi trong năm nay	0	0	0	0	68.290.141.397	68.290.141.397
Giảm trong năm nay	0	0	0	(4.688.954.691)	(255.630.000)	(4.944.584.691)
Giảm do chuyển số dư	0	0	0	(3.291.544.687)	0	(3.291.544.687)
Giảm do đánh giá lại	0	0	0	(1.397.410.004)	0	(1.397.410.004)
Các khoản trừ lợi nhuận sau thuế	0	0	0	0	(255.630.000)	(255.630.000)
Số dư cuối năm	397.000.000.000	0	7.121.894.690	(645.543.930)	68.034.511.397	471.510.862.157